TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2023/HS-ST**
Ngày 18 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thu Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Bùi Thị Hạnh**

2. **Bà Nguyễn Thị Lan Ka**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đồng Minh Hoàn –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **T.A.Q**; Sinh năm 1976; HKTT: Số A, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số B Hàng Đậu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: T.V.T (đã chết); Mẹ là: N.T.H (sinh năm 1946); Vợ là: V.T.K (sinh năm 1990); Có 03 con, sinh năm 2015, 2017, 2019;

Nhân thân: 03 tiền án (đã xóa)

- Tại Bản án số 195/HSST ngày 17/9/1993, Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử phạt 09 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản của công dân";

- Tại Bản án số 25/HSST ngày 26/01/1995, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản của công dân";

- Tại Bản án số 337/HSST ngày 21/12/2011, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 đến ngày 01/7/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

(*Có mặt tại phiên tòa).*

2. Họ và tên: L.T.H; Sinh năm 1991; HKTT và nơi ở: Số C ngõ chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: L.T.L (sinh năm 1963); Mẹ là: Đ.T.L (sinh năm 1971);

Nhân thân: 01 tiền án (đã xóa)

Tại Bản án số 372/HSST ngày 02/11/2007, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản"

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 đến ngày 25/7/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

(*Có mặt tại phiên tòa).*

3. Họ và tên: P.V.M; Sinh năm 1998; HKTT: Thôn D, xã Nam Hà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; Nơi ở: Số E ngõ F An Xá, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: P.V.H (sinh năm 1976); Mẹ là: T.T.M (sinh năm 1978); Vợ là: H.T.D (sinh năm 1998); Có 02 con, sinh năm 2017, 2020.

Tiền án: 01 tiền án (xét xử bị cáo về hành vi phạm tội xảy ra trước khi phạm tội lần này)

Tại Bản án số 372/HSST ngày 16/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, xử phạt 3 năm tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

Trong vụ án này, bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 đến ngày 25/7/2022. Hiện đang thi hành án (Bản án số 372/HSST ngày 16/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải) tại Trại giam số 3 tỉnh Nghệ An;

(*Có mặt tại phiên tòa).*

4. Họ và tên: T.T.N; Sinh năm 1982; HKTT: Số G ngõ H Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số K đường Nước Phần Lan, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: T.V.T (đã chết); Mẹ là: N.T.H (sinh năm 1946); Vợ là: N.T.T.N (sinh năm 1990); Có 03 con, sinh năm 2010, 2015, 2020;

Nhân thân: 01 tiền án (đã xóa):

Tại Bản án số 353/HSST ngày 25/08/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 tháng về tội Bắt giữ người trái pháp luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/03/2022 đến ngày 07/4/2022. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

(*Có mặt tại phiên tòa).*

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1. **Bà L.T.T.H**; sinh năm 1962; Trú tại: Số 28 phố Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

(*Vắng mặt tại phiên tòa)*

2. **Bà T.B.H**; sinh năm 1970; Trú tại: Số 12 Hàng Đậu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

(*Vắng mặt tại phiên tòa)*

3. **Anh N.T.C**; sinh năm 1989; Trú tại: Số 74 Phó Đức Chính, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

(*Vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h30’ ngày 28/3/2022, Tổ công tác Đội 4 Phòng CSHS Công an Thành phố Hà nội phát hiện P.V.M đi bộ ở khu vực ngõ L Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà nội có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện nội dung tin nhắn trong điện thoại của M thể hiện việc cho vay tiền với lãi suất ngày nên đã tiến hành lập biên bản.

Quá trình điều tra đã xác định: T.A.Q cho khách hàng vay tiền nhằm thu lãi với mức lãi suất cao, từ 1.000đ/1 triệu/ ngày đến 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Cách thức tính lãi: 10 ngày nộp tiền lãi một lần. Đối với khách vay số tiền ít thì lãi suất cao, vay với số tiền lớn thì lãi suất nhỏ hơn và tùy vào khả năng thanh toán của khách. Địa điểm giao dịch là cửa hàng số L Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, Ba Đình, Hà Nội. Q thuê P.V.M và L.T.H làm nhân viên giúp việc cho Q với mức lương 6 triệu đồng/tháng, không được hưởng lãi từ việc cho vay tiền. Công việc của H và M là giao nhận tiền với khách, nhắc khách thanh toán lãi khi đến kỳ và tổng hợp sổ sách, theo dõi việc cho vay, cuối ngày nhắn tin báo cáo với Q qua điện thoại. Người vay không phải viết giấy vay tiền, không có tài sản đảm bảo. Khách vay trả tiền lãi, tiền gốc trực tiếp cho H, M tại cửa hàng L Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình. Ngoài ra, có khách vay chuyển tiền lãi, gốc vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 190xxxxx017 của T.T.N (em trai T.A.Q).

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ các đồ vật, tài liệu như sau:

Thu tại cửa hàng số L Hàng Than:

- 01 (một) quyển vở học sinh dòng kẻ ngang nhãn hiệu Hồng Hà. Bên trong có chữ viết tay liệt kê khách vay tiền, số tiền vay.

Thu giữ của L.T.H:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có số imei: 354xxxx925, gắn sim số 09xxxx93.

Thu giữ của P.V.M:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia 105 màu xanh, có số imei: 35xxxxx293 máy cũ đã qua sử dụng, gắn sim số 093xxxx23.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, số imei: 3583xxxxx964 máy cũ đã qua sử dụng, gắn sim số 0901xxxx51.

Thu giữ của T.T.N:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, có số imei1: 356xxxx195; imei2: 3567xxxxx496, gắn sim số 091xxxxx89 đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu xanh, có số imei1: 3580xxxxxx500; imei2: 3580xxxxx628 đã qua sử dụng, gắn sim số 0904276000.

Khám xét tại nhà 42B Hàng Đậu của T.A.Q thu giữ:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng gold, có số imei1: 353xxxxx92; imei2: 353xxxxx389, gắn sim số 09xxxxx89.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số imei: 356xxxxxx853, gắn sim số 09xxxxx39.

- 06 (sáu) quyển sổ có chữ viết tay ghi chép, kẻ cột mục thống kê việc cho khách vay tiền.

- 10 (mười) tờ giấy dòng kẻ ngang kích thước 10x15cm, ghi tên khách vay đóng tiền lãi theo ngày.

- 01 (một) thẻ ngân hàng VPBank có tên T.A.Q.

- 457.000.000 đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng) tiền Việt Nam.

- 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION.

Quá trình điều tra xác định hành vi của T.A.Q cho vay tiền với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể như sau:

1. Đối với khoản vay của bà L.T.T.H:

Tháng 8/2021, bà H vay của T.A.Q số tiền 100 triệu đồng bằng tiền mặt với lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5 %/ năm, cứ 10 ngày đóng

lãi 1 lần, đóng trực tiếp cho L.T.H và P.V.M tại cửa hàng. Hai bên không viết Giấy vay tiền, không có tài sản đảm bảo. Bà H đã thanh toán 8 kỳ lãi, mỗi kỳ lãi thanh toán 3 triệu đồng, tổng cộng là 24 triệu đồng và đã hoàn trả tiền gốc. Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 4.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 19.200.000 đồng.

Sau khi thanh toán 100 triệu tiền gốc, ngày 26/11/2021, bà H tiếp tục vay lại với thỏa thuận như trên. Bà H đã thanh toán 8 kỳ lãi với số tiền 24 triệu đồng, sau đó đã hoàn trả tiền gốc. Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 4.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 19.200.000 đồng.

Ngày 13/2/2022, bà H tiếp tục vay lại số tiền 100 triệu đồng. Bà H đã thanh toán 3 kỳ lãi là 9 triệu đồng cho Q thì bị phát hiện. Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 1.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 7.200.000 đồng.

Số tiền gốc 100 triệu đồng, đến nay bà H chưa trả cho Q.

2. Đối với khoản vay của bà T.B.H:

Tháng 9 năm 2021, bà H1 vay số tiền 15.000.000 đồng của T.A.Q với lãi suất 5000đ/triệu/ngày tương ứng lãi suất 182,5 %/năm, cứ 10 ngày thanh toán lãi một lần, mỗi lần 750.000 đồng. Hai bên không viết Giấy vay tiền, không có tài sản đảm bảo. Bà H1 được H đưa 14.250.000đ do H trừ trước tiền lãi 750.000 đồng, sau đó bà H1 đã liên tục thanh toán lãi cho đến ngày 20/3/2022.

Tổng số tiền lãi bà H1 đã thanh toán trong 195 ngày (tương ứng với khoảng 20 kỳ lãi) là 15.050.000 đồng. Tiền lãi T.A.Q được hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 1.605.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 13.395.000 đồng. Số tiền gốc 15 triệu đồng, đến nay bà H1 chưa trả cho Q.

3. Đối với khoản vay của anh N.T.C:

Ngày 13/9/2021, anh C vay của Q số tiền 80 triệu đồng, lãi suất Q tính là 3000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5 %/ năm. Hai bên không viết Giấy vay tiền, không có tài sản đảm bảo. Anh C nhận tiền do L.T.H giao tại cửa hàng. H đã trừ tiền lãi của 10 ngày đầu tiên tương ứng số tiền 2.400.000 đồng. H đưa cho anh C số tài khoản ngân hàng Techcombank đứng tên T.T.N để anh C thanh toán lãi qua chuyển khoản ngân hàng. Tổng số tiền lãi anh C đã trả trong 19 ngày (tính từ ngày 13/9/2021 đến ngày 02/10/2021) là 4.800.000 đồng (tương ứng với 2 kỳ lãi, mỗi kỳ 2.400.000 đồng); Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất

20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 832.876 đồng; Tiền thu lời bất chính là 3.967.124 đồng.

Ngày 2/10/2021, anh C trả hết gốc và tiếp tục vay lại 100 triệu đồng. Tổng số tiền lãi anh C đã trả trong 56 ngày (tính từ ngày 02/10/2021 đến ngày 28/11/2021, tương ứng với khoảng 6 kỳ lãi, mỗi kỳ 3.000.000 đồng) là 18.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2021 thì trả hết tiền gốc 100 triệu. Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 3.068.493 đồng; Tiền thu lời bất chính là 14.931.506 đồng.

Sau khi thanh toán tiền gốc, ngày 28/11/2021, anh N.T.C tiếp tục vay lại số tiền 110 triệu. Đối với khoản vay 110 triệu, tính đến ngày phát hiện tội phạm thì anh C đã thanh toán lãi của 123 ngày, tương ứng 12,5 kỳ lãi (tính từ ngày 28/11/2021 đến ngày 01/4/2022), mỗi kỳ 3.300.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản. Tổng số tiền lãi anh C đã thanh toán là 42.150.000 đồng. Tiền lãi T.A.Q được hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 7.413.698 đồng; Tiền thu lời bất chính là 33.836.302 đồng.

Số tiền gốc 110 triệu đồng, đến nay anh N.T.C chưa trả cho Q.

Tổng số tiền T.A.Q thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 111.729.932 đồng.

Tại cơ quan điều tra, T.A.Q, L.T.H, P.V.M đã khai nhận hành vi phạm tội.

T.T.N khai nhận: T.A.Q là anh ruột của Nghĩa, Nghĩa biết việc Q cho vay lãi nặng tuy nhiên không tham gia vào việc cho vay tiền, không được chia lợi nhuận. Do Q không sử dụng tài khoản ngân hàng và internetbanking nên Q có nhờ tài khoản của Nghĩa để khách vay tiền chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản của Nghĩa, sau đó Nghĩa rút ra và đưa cho H hoặc M ở cửa hàng L Hàng Than. Từ khoảng tháng 9/2021, Nghĩa đã nhiều lần nhận tiền gốc, tiền lãi do anh N.T.C chuyển qua tài khoản. Thông qua chu kỳ gửi lãi 10 ngày/1 lần thì Nghĩa biết được lãi suất Q thu của anh C là 3.000đ/1triệu/1 ngày (tức là 109,5%/1 năm). Sau khi nhận tiền Nghĩa chuyển lại cho M và H và không được chia lợi nhuận.

Ngoài ra, quá trình kiểm tra sổ sách thu giữ của T.A.Q còn thể hiện có các khách hàng khác vay tiền của Q. Cơ quan điều tra đã triệu tập những người liên quan, các khách hàng này đều khai hai bên chỉ có giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, giữa Q và các khách hàng không viết Giấy vay tiền hay ký kết hợp đồng nào. Đối với một số khách hàng khác thì quá trình điều tra không xác định được con người cụ thể, không xác định được mức đóng lãi là bao nhiêu và khách hàng đã xin chuyển số tiền lãi thành trả tiền gốc, sổ sách thu giữ không ghi

cụ thể mức lãi suất nên không có căn cứ để xác định số tiền thu lời bất chính. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý Q, H, M về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các khoản vay này.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 27/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đã truy tố các bị cáo T.A.Q, L.T.H và P.V.M về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo T.T.N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo T.A.Q, L.T.H, P.V.M, T.T.N khai nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Q, H, M khai nhận đã cho bà L.T.T.H vay số tiền 100 triệu đồng làm 3 lần, cho bà T.B.H vay 1 lần, cho anh N.T.C vay 3 lần và đều không viết giấy tờ, không thỏa thuận thời hạn vay. Đối với khoản tiền gốc đã cho bà H và anh C vay làm nhiều lần thì thực tế những lần trả gốc xong, họ đều vay lại luôn số tiền gốc đó. Đến khi bị phát hiện thì những người vay đều chưa trả Q tiền gốc. Tất cả tiền lãi thu được từ những người đi vay đều giao lại cho bị cáo T.A.Q.

Q khai: Do nhận thức được việc cho vay lãi cao là trái pháp luật nên Q đã tự trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay.

Những người liên quan là bà L.T.T.H, anh N.T.C có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì trên thực tế khi bên vay khó khăn thì T.A.Q đã cho vay tiền, việc vay nợ là tự nguyện. Người liên quan đã nhận số tiền lãi suất vượt quá quy định do Q thanh toán và không có ý kiến gì về dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng và kết luận: Các bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như sau:

*Đối với khoản vay của bà L.T.T.H: Số tiền vay gốc 100 triệu đồng, vay 3 lần:

Lần 1: Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 4.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 19.200.000 đồng.

Lần 2: Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 4.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 19.200.000 đồng.

Lần 3: Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 1.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 7.200.000 đồng.

Số tiền gốc 100 triệu đồng, bà H chưa trả cho Q.

* Đối với khoản vay của bà T.B.H: Tiền lãi T.A.Q được hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 1.605.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 13.395.000 đồng. Số tiền gốc 15 triệu đồng, bà H1 chưa trả cho Q.

* Đối với khoản vay của anh N.T.C:

Lần 1: Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 832.876 đồng; Tiền thu lời bất chính là 3.967.124 đồng.

Lần 2: Tiền lãi T.A.Q hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 3.068.493 đồng; Tiền thu lời bất chính là 14.931.506 đồng.

Lần 3: Tiền lãi T.A.Q được hưởng lợi chính đáng theo mức lãi suất 20%/1 năm của Bộ luật dân sự là 7.413.698 đồng; Tiền thu lời bất chính là 33.836.302 đồng.

Số tiền gốc 110 triệu đồng, anh N.T.C chưa trả cho Q.

Tổng số tiền T.A.Q thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 111.729.932 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo T.A.Q từ 03-08 tháng tù

+ Xử phạt bị cáo L.T.H từ 03-06 tháng tù

+ Xử phạt bị cáo P.V.M từ 03-06 tháng tù

Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS: phạt bổ sung là phạt tiền T.A.Q từ 50.000.000đ- 70.000.000đ; L.T.H và P.V.M, mỗi bị cáo từ 30.000.000đ-50.000.000đ

-Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo T.T.N từ 06-10 tháng cải tạo không giam giữ.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

+01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có số imei: 354xxxxxx925, gắn sim số 094xxxxx93 thu của L.T.H;

+01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia 105 màu xanh, có số imei: 357xxxxxx293, gắn sim số 093xxxxx23 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, số imei: 358xxxxxx964, gắn sim số 090xxxxx51 thu của P.V.M;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, có số imei1: 35xxxxxx195; imei2: 35xxxxxxx96, gắn sim số 09xxxxxx89 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu xanh, có số imei1: 35xxxxxx500; imei2: 358xxxxx628, gắn sim số 09xxxx00 thu của T.T.N;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng gold, có số imei1: 353xxxxx92; imei2: 353xxxxxx389, gắn sim số 090xxxxx9 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số imei: 3xxxxx853, gắn sim số 098xxxx9 thu của T.A.Q;

- Trả lại cho T.A.Q số tiền 457.000.000đ thu giữ tại nhà của T.A.Q do không liên quan đến việc phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION do không còn giá trị sử dụng.

* Về biện pháp tư pháp:

- Buộc T.A.Q phải truy nộp để xung Ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà Q đã thu của người vay, tổng số tiền là: 24.320.067 đồng.

- Đối với số tiền thu lời bất chính là 111.729.932 đồng, cần trả lại cho những người liên quan. Xác nhận Q đã tự thanh toán số tiền thu lợi bất chính cho bà L.T.T.H và anh N.T.C. Buộc Q phải thanh toán cho bà T.B.H số tiền 13.395.000 đồng.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc để xung Ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà L.T.T.H phải nộp 100 triệu đồng; bà T.B.H phải nộp 15 triệu đồng; anh N.T.C phải nộp 110 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ba Đình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai những người liên quan, người làm chứng, vật

chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 3/2022, tại số nhà L Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội, T.A.Q, L.T.H, P.V.M và T.T.N đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cụ thể như sau:

- T.A.Q, L.T.H và P.V.M đã 3 lần cho bà L.T.T.H vay số tiền 100 triệu đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5 %/ năm, là gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Trong tháng 8/2021, Bà H vay 100 triệu, số tiền lãi đã thanh toán là 24 triệu đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 4.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 19.200.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/11/2021, Bà H vay 100 triệu, số tiền lãi đã thanh toán là 24 triệu đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 4.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 19.200.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/2/2022, Bà H vay 100 triệu, số tiền lãi đã thanh toán là 9 triệu đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 1.800.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 7.200.000 đồng.

- Trong tháng 9 năm 2021, T.A.Q, L.T.H và Phạm Văn cho bà T.B.H vay số tiền 15 triệu đồng, lãi suất 5000đ/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 182,5 %/năm, là gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. số tiền lãi đã thanh toán là 15.050.000 đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 1.605.000 đồng; Tiền thu lời bất chính là 13.395.000 đồng.

- T.A.Q, L.T.H, P.V.M và T.T.N đã 3 lần cho anh N.T.C vay số tiền 100 triệu đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5 %/ năm, là gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/9/2021, anh C vay 80 triệu đồng. Số tiền lãi anh C đã thanh toán là 4.800.000 đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 832.876 đồng; Tiền thu lời bất chính là 3.967.124 đồng.

Lần 2: Ngày 2/10/2021, anh C vay 100 triệu đồng. Số tiền lãi anh C đã thanh toán là 18.000.000 đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 3.068.493 đồng; Tiền thu lời bất chính là 14.931.506 đồng.

Lần 3: Ngày 28/11/2021, anh C vay 110 triệu đồng. Số tiền lãi anh C đã thanh toán là 42.150.000 đồng. Số tiền tối đa T.A.Q được hưởng đối với khoản vay là 7.413.698 đồng; Tiền thu lời bất chính là 33.836.302 đồng.

Tổng số tiền T.A.Q thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 111.729.932 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo T.A.Q, L.T.H và P.V.M đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo T.T.N đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, là một trong những nguyên nhân phát sinh tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần mức lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt đã phạm tội. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Nhân thân các bị cáo T.A.Q, L.T.H và T.T.N đều đã có tiền án, đã được xóa án tích. Đối với bị cáo P.V.M có 1 tiền án nhưng xét xử sau khi có hành vi phạm tội lần này nên không xác định là tái phạm, tuy nhiên thể hiện cả 4 bị cáo là nhân thân xấu.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 4 bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; người liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Quá trình điều tra thể hiện các bị cáo cho vay tiền đều không viết Giấy vay nợ, không có hợp đồng thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, các bị cáo Q, H, M đã tự thú một phần hành vi phạm tội của mình; người liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, cả 4 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Q, H, M được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T.A.Q đã khắc phục hậu quả, trả lại tiền cho những người liên quan nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trong vụ án này, bị cáo T.A.Q đã bị tạm giam 03 tháng 02 ngày; các bị cáo L.T.H, P.V.M đã bị tạm giam 03 tháng 26 ngày. Xt các bị cáo Q, H và M cã nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử bằng thời gian tạm giam cũng là phù hợp. Ngoài hình phạt tù cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo Q là người khởi xướng, sử dụng tiền của

mình để cho vay và hưởng lợi. Các bị cáo M, H là đồng phạm giúp sức, làm công ăn lương, không được chia lợi nhuận, vì vậy cần phạt bị cáo Q mức tiền cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo T.T.N cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo P.V.M hiện tại đang thi hành Bản án số 96/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (xử phạt 03 năm tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2022). Hành vi phạm tội lần này của bị cáo xảy ra trước khi có bản án trên. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 07 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo đều có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu xung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có số imei: 35xxxxxx25, gắn sim số 09xxxx93 thu của L.T.H;

+01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia 105 màu xanh, có số imei: 35xxxxxx293, gắn sim số 09xxxxx23 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, số imei: 35xxxxxx964, gắn sim số 090xxxx51 thu của P.V.M;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, có số imei1: 356xxxxxx95; imei2: 356xxxxxx496, gắn sim số 09xxxxx89 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu xanh, có số imei1: 358xxxxx500; imei2: 35xxxxx628, gắn sim số 09xxxxx00 thu của Thạc Thế Nghĩa;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng gold, có số imei1: 353xxxxx92; imei2: 353xxxxx89, gắn sim số 09xxx89 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số imei: 35xxxx853, gắn sim số 098xxxx9 thu của T.A.Q;

- Đối với số tiền 457.000.000đ thu giữ tại nhà của T.A.Q không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho T.A.Q.

- Đối với 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION thu của T.A.Q không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Các vật chứng là sổ sách thu giữ của T.A.Q được lưu giữ theo hồ sơ vụ án

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền gốc là phương tiện phạm tội đã giao cho những người vay tiền, đến nay chưa trả cho bị cáo T.A.Q. Vì vậy, cần buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại để xung Ngân sách nhà nước, cụ thể: Bà L.T.T.H phải nộp 100 triệu đồng; bà T.B.H phải nộp 15 triệu đồng; anh N.T.C phải nộp 110 triệu đồng.

- Đối với số tiền lãi là 24.320.067 đồng, tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, là tiền phát sinh từ việc phạm tội mà Q đã thu của bà L.T.T.H, bà T.B.H và anh N.T.C, cần buộc T.A.Q phải truy nộp để xung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền Q thu lời bất chính là 111.729.932 đồng (là khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm): Tài liệu trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xác định những người liên quan vay tiền để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên cần được trả cho người vay. Xác nhận T.A.Q đã tự thanh toán số tiền thu lời bất chính cho bà L.T.T.H và anh N.T.C. Buộc T.A.Q trả lại cho bà T.B.H số tiền 13.395.000 đồng.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần dân sự liên quan theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo T.A.Q, L.T.H, P.V.M và T.T.N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

- *Căn cứ vào:* Khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự:

+ **Xử phạt T.A.Q 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tù**. Được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 đến ngày 01/7/2022. Xác nhận bị cáo T.A.Q đã thi hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bổ sung đối với T.A.Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

-*Căn cứ vào:* Khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự:

+ **Xử phạt L.T.H 03 (ba) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù**. Được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 đến ngày 25/7/2022. Xác nhận bị cáo L.T.H đã thi hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bổ sung đối với L.T.H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

-*Căn cứ vào:* Khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự:

+ **Xử phạt: P.V.M 03 (ba) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù**. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 96/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Toà án nhân dân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". **Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2022, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 đến ngày 25/7/2022.

Xử phạt bổ sung đối với P.V.M số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt T.T.N số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

* C¸c bÞ c¸o bÞ ph¹t tiÒn ph¶i nép mét lÇn trong thêi h¹n 06 (s¸u) th¸ng kÓ tõ ngµy b¶n ¸n cã hiÖu lùc ph¸p luËt.

* *Căn cứ vào:* Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 299, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 36/2016//UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016:

- *Về vật chứng:*

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có số imei: 354873093732925, gắn sim số 0946.753.993; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia 105 màu xanh, có số imei: 357825062905293 máy cũ đã qua sử dụng, gắn sim số 0936918323; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi xám, số imei: 358373069784964 máy cũ đã qua sử dụng, gắn sim số 0901772751; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, có số imei1: 356732118299195; imei2: 356732118631496, gắn sim số 0915666789 đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu xanh, có số imei1: 358074293907500; imei2: 358074293500628 đã qua sử dụng, gắn sim số 0904276000; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu vàng gold, có số imei1: 353924103113092; imei2: 353924103005389, gắn sim số 0908988989; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, có số imei: 356719085618853, gắn sim số 0981183939.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION.

+ Trả lại cho bị cáo T.A.Q số tiền 457.000.000đ (*bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình theo Biên bản bàn giao vật chứng số 76 ngày 07/3/2023.

Số tiền 457.000.000đ do Kho bạc Nhà nước quận Ba Đình, Hà nội quản lý theo Ủy nhiệm chi lập ngày 17/3/3023; Đơn vị trả tiền: Công an quận Ba Đình (Đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình; tài khoản: 3949.0.1061691).

- *Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:*

+ Bà L.T.T.H phải truy nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để xung Ngân sách Nhà nước.

+ Bà T.B.H phải truy nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để xung Ngân sách Nhà nước.

+ Anh N.T.C phải truy nộp số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để xung Ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo T.A.Q phải truy nộp số tiền 24.320.067đ (Hai mươi tư triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm sáu bảy đồng) để xung Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo T.A.Q hoàn trả cho bà T.B.H số tiền 13.395.000đ (mười ba triệu ba trăm chín lăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo T.A.Q, L.T.H, P.V.M và T.T.N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần dân sự liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Công an quận Ba Đình;*
- *Thi hành án quận Ba Đình;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thu Phương